

THỜI KHÓA BIỂU HK I NĂM HỌC 2023-2024 CLC
Học lý thuyết (11 tuần): 02/10/2023 - 16/12/2023, tuần dự trữ 18/12/2023 - 23/12/2023
Thi lý thuyết: 25/12/2023 - 06/01/2024
Học TH và thi thực hành (tuần 2 - tuần 11): 09/10/2023 - 16/12/2023

Ca	Giờ /Thứ	2	3	4	5	6	7
1	LT: 07:30-09:10 TH: 07:30-09:30	<u>Kỹ năng mềm (23CLC1) I.32</u> <u>Nhập môn lập trình (23CLC2) I.52</u> Nhập môn lập trình (23CLC5) B.11A Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC7) I.35 Kỹ năng mềm (23CLC10) I.12A Phát triển ứng dụng web (21KTPM3) I.12C Đồ họa máy tính (21TGMT) I.41 Nhập môn mã hóa mật mã (21MMT) I.92 Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên (21CNTThức) I.42 Seminar Công nghệ tri thức (20CNTThức) I.23	Toán rời rạc (23CLC12) E.301 <u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC3) I.52</u> Kỹ năng mềm (23CLC4) I.42 <u>Kỹ năng mềm (23CLC6) I.32</u> Phương pháp lập trình HĐT (22CLC2) I.91 <u>Toán học tổ hợp (22CLC45) E.302</u> Hệ thống máy tính (22CLC6) I.12A Thẻ dực 1 (22CLC9) Hệ thống máy tính (22CLC10) I.12C <u>Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC6) I.86</u> Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (21HTTT1) B.11A Pháp luật đại cương (21CLC34) C.33 Mạng máy tính nâng cao (21MMT) I.23 Blockchain và ứng dụng (20CNTThức) C.22	<u>Toán rời rạc (23CLC12) E.301</u> Toán rời rạc (23CLC45) C.33 Nhập môn lập trình (23CLC7) I.41 Kỹ năng mềm (23CLC8) I.42 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC9) I.32 Toán học tổ hợp (22CLC12) C.22 Mạng máy tính (22CLC3) I.35 Thẻ dực 1 (22CLC4) Thẻ dực 1 (22CLC5) Thẻ dực 1 (22CLC6) Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC1) B.11A Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC3) I.12A Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC5) I.12C Trực quan hóa dữ liệu (21HTTT) I.92 Phát triển ứng dụng web (21KTPM1) I.34 An toàn và phục hồi dữ liệu (20CNTThức) H2.3 Mô hình hóa phần mềm (20KTPM) I.71	Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC1) B.41 Kỹ năng mềm (23CLC2) I.35 Kỹ năng mềm (23CLC3) I.91 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC4) F109 <u>Toán rời rạc (23CLC56) C.33</u> Kỹ năng mềm (23CLC7) I.41 Nhập môn lập trình (23CLC9) I.42 Nhập môn lập trình (23CLC10) I.44 Mạng máy tính (22CLC1) I.34 Mạng máy tính (22CLC2) I.12A Mạng máy tính (22CLC5) I.12C <u>Phương pháp lập trình HĐT (22CLC6) I.52</u> Phương pháp lập trình HĐT (22CLC10) C.31 Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC4) I.23 Phát triển ứng dụng web (21KTPM4) C.22 Khai thác dữ liệu và ứng dụng (21KHMT1) HT I Phát triển ứng dụng web nâng cao (20KTPM1) B.11A Phát triển ứng dụng web nâng cao (20KTPM2) I.32 Thiết kế mạng (20MMT) I.33	Nhập môn lập trình (23CLC1) HT I Nhập môn lập trình (23CLC4) GD1 Toán rời rạc (23CLC56) E.301 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC8) I.12A Toán rời rạc (23CLC10) I.12C Mạng máy tính (22CLC1) I.91 Toán học tổ hợp (22CLC45) C.22 Thẻ dực 1 (22CLC2) Thẻ dực 1 (22CLC3) Thẻ dực 1 (22CLC7) Phương pháp lập trình HĐT (22CLC8) B.11A Hệ thống máy tính (22CLC9) I.35 Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC8) I.34 Cơ sở dữ liệu nâng cao (21HTTT1) C.43B Lập trình ứng dụng Java (21KTPM4) C.32B Phát triển ứng dụng web (21KTPM2) I.32 Nhập môn học máy (21KHMT1) I.42 Nhập môn mã hóa mật mã (21CNTThức) I.23 Mẫu thiết kế hướng đối tượng và ứng dụng (20KTPM) I.33 Sinh trắc học (20KHMT) B.11B Phương pháp toán trong phân tích dữ liệu thị giác (20TGMT) B.40A	Nhập môn lập trình (23CLC2) I.32 <u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC8) I.61</u> Thẻ dực 1 (22CLC1) Thẻ dực 1 (22CLC8) Thẻ dực 1 (22CLC10) Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (22CLCB) B.11A Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC10) I.34 Pháp luật đại cương (21CLC910) I.12C Lập trình ứng dụng Java (21KTPM3) I.35 Xử lý ảnh số và video số (21TGMT) I.91 Phân tích dữ liệu thông minh (20KHDL) I.92 Ứng dụng thị giác máy tính (20TGMT) I.12A
2	LT: 09:30-11:10 TH: 09:30-11:30	<u>Kỹ năng mềm (23CLC2) I.32</u> Nhập môn lập trình (23CLC5) B.11A <u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC6) I.52</u> Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC7) I.35 Kỹ năng mềm (23CLC10) I.12A <u>Toán học tổ hợp (22CLC56) C.22</u> <u>Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (22CLC A) I.61</u> Phát triển ứng dụng web (21KTPM3) I.12C Đồ họa máy tính (21TGMT) I.41 Nhập môn mã hóa mật mã (21MMT) I.92 Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên (21CNTThức) I.42 Seminar Công nghệ tri thức (20CNTThức) I.23	Toán rời rạc (23CLC12) E.301 Kỹ năng mềm (23CLC4) I.42 <u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC5) I.52</u> <u>Toán rời rạc (23CLC78) E.302</u> <u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC10) I.61</u> Phương pháp lập trình HĐT (22CLC2) I.91 Hệ thống máy tính (22CLC6) I.12A Thẻ dực 1 (22CLC9) Hệ thống máy tính (22CLC10) I.12C <u>Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC7) I.86</u> Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (21HTTT1) B.11A Pháp luật đại cương (21CLC34) C.33 Mạng máy tính nâng cao (21MMT) I.23 Blockchain và ứng dụng (20CNTThức) C.22	<u>Toán rời rạc (23CLC23) E.301</u> Toán rời rạc (23CLC45) C.33 Nhập môn lập trình (23CLC7) I.41 Kỹ năng mềm (23CLC8) I.42 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC9) I.32 Toán học tổ hợp (22CLC12) C.22 Mạng máy tính (22CLC3) I.35 Thẻ dực 1 (22CLC4) Thẻ dực 1 (22CLC5) Thẻ dực 1 (22CLC6) <u>Toán học tổ hợp (22CLC78) E.302</u> Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC1) B.11A Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC3) I.12A Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC5) I.12C <u>Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC10) I.86</u> Trực quan hóa dữ liệu (21HTTT) I.92 Phát triển ứng dụng web (21KTPM1) I.34 An toàn và phục hồi dữ liệu (20CNTThức) H2.3 Mô hình hóa phần mềm (20KTPM) I.71	Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC1) B41 Kỹ năng mềm (23CLC2) I.35 Kỹ năng mềm (23CLC3) I.91 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC4) F109 Kỹ năng mềm (23CLC7) I.41 Nhập môn lập trình (23CLC9) I.42 Nhập môn lập trình (23CLC10) I.44 <u>Phương pháp lập trình HĐT (22CLC1) I.52</u> Mạng máy tính (22CLC2) I.12A Mạng máy tính (22CLC5) I.12C <u>Phương pháp lập trình HĐT (22CLC8) I.62</u> Phương pháp lập trình HĐT (22CLC10) C.31 Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC4) I.23 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (21HTTT2) C.33 Phát triển ứng dụng web (21KTPM4) C.22 Khai thác dữ liệu và ứng dụng (21KHMT1) HT I Phát triển ứng dụng web nâng cao (20KTPM1) B.11A Phát triển ứng dụng web nâng cao (20KTPM2) I.32 Thiết kế mạng (20MMT) I.33	Nhập môn lập trình (23CLC1) HT I <u>Nhập môn lập trình (23CLC3) I.52</u> Nhập môn lập trình (23CLC4) GD1 Toán rời rạc (23CLC56) E.301 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC8) I.12A <u>Kỹ năng mềm (23CLC9) I.44</u> Toán rời rạc (23CLC10) I.12C Toán học tổ hợp (22CLC45) C.22 Thẻ dực 1 (22CLC2) Thẻ dực 1 (22CLC3) Thẻ dực 1 (22CLC7) Phương pháp lập trình HĐT (22CLC8) B.11A Hệ thống máy tính (22CLC9) I.35 Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC8) I.34 Cơ sở dữ liệu nâng cao (21HTTT1) C.43B Lập trình ứng dụng Java (21KTPM4) C.32B Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (21HTTT2) C.43A Phát triển ứng dụng web (21KTPM2) I.32 Nhập môn học máy (21KHMT1) I.42 Nhập môn mã hóa mật mã (21CNTThức) I.23 Mẫu thiết kế hướng đối tượng và ứng dụng (20KTPM) I.33 Sinh trắc học (20KHMT) B.11B Phương pháp toán trong phân tích dữ liệu thị giác (20TGMT) B.40A	Nhập môn lập trình (23CLC2) I.32 <u>Nhập môn lập trình (23CLC10) I.61</u> Thẻ dực 1 (22CLC1) Thẻ dực 1 (22CLC8) Thẻ dực 1 (22CLC10) Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (22CLCB) B.11A Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC10) I.34 Pháp luật đại cương (21CLC910) I.12C Lập trình ứng dụng Java (21KTPM3) I.35 Xử lý ảnh số và video số (21TGMT) I.91 Phân tích dữ liệu thông minh (20KHDL) I.92 Ứng dụng thị giác máy tính (20TGMT) I.12A

3	LT: 13:30-15:10 TH: 13:30-15:30	Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC2) I.41 Nhập môn lập trình (23CLC3) I.42 Kỹ năng mềm (23CLC5) I.32 <u>Nhập môn lập trình (23CLC6) I.61</u> <u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC7) I.52</u> <u>Kỹ năng mềm (23CLC10) I.44</u> <u>Toán học tổ hợp (22CLC23) I.23</u> <u>Phương pháp lập trình HDT (22CLC4) I.62</u> Toán học tổ hợp (22CLC56) C.22 Hệ thống máy tính (22CLC7) I.91 Toán học tổ hợp (22CLC89) E.301 <u>Toán học tổ hợp (22CLC10) B.11A</u> Pháp luật đại cương (21CLC12) C.33 Hệ thống thông tin doanh nghiệp (21HTTT2) C.32B Nhập môn khoa học dữ liệu (21KHDL1) I.92 <u>Lập trình cho khoa học dữ liệu (21KHDL2) I.12A</u> Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh (20HTTT1) I.12C <u>Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến (20HTTT) C.31</u>	Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC3) I.42 <u>Kỹ năng mềm (23CLC5) I.41</u> Toán rời rạc (23CLC78) C.33 Toán rời rạc (23CLC89) C.22 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC10) I.91 Phương pháp lập trình HDT (22CLC3) I.12A Phương pháp lập trình HDT (22CLC7) I.12C <u>Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (22CLC A) I.32</u> <u>Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC8) I.86</u> Lập trình ứng dụng Java (21KTPM1) ITEC32 Lập trình cho khoa học dữ liệu (21KHDL1) B.11A Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh (20HTTT2) I.23	<u>Nhập môn lập trình (23CLC1) I.61</u> <u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC2) I.62</u> <u>Kỹ năng mềm (23CLC3) I.42</u> Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC5) I.91 Nhập môn lập trình (23CLC6) I.41 Nhập môn lập trình (23CLC8) E.301 <u>Nhập môn lập trình (23CLC9) I.52</u> <u>Toán học tổ hợp (22CLC23) C.33</u> Phương pháp lập trình HDT (22CLC4) C.31 <u>Toán học tổ hợp (22CLC10) I.12A</u> Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC2) C.32B Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC6) I.34 Nhập môn khoa học dữ liệu (21KHDL2) I.92 Lập trình song song (20KHMT) C.22	Kỹ năng mềm (23CLC1) I.41 <u>Nhập môn lập trình (23CLC4) I.52</u> Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC6) I.42 <u>Nhập môn lập trình (23CLC8) I.61</u> <u>Toán học tổ hợp (22CLC12) C.22</u> Phương pháp lập trình HDT (22CLC5) I.12C Phương pháp lập trình HDT (22CLC6) I.32 <u>Toán học tổ hợp (22CLC89) I.23</u> Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC7) I.34 Pháp luật đại cương (21CLC78) C.33 Cơ sở dữ liệu nâng cao (21HTTT2) I.91 Lập trình ứng dụng Java (21KTPM2) I.92 <u>Khai thác dữ liệu và ứng dụng (21KHMT2) I.12A</u> Phát triển game (20KTPM) I.44	<u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC1) I.52</u> Toán rời rạc (23CLC23) E.301 <u>Kỹ năng mềm (23CLC4) I.41</u> <u>Nhập môn lập trình (23CLC5) I.61</u> Kỹ năng mềm (23CLC6) I.12A Kỹ năng mềm (23CLC9) F.109 Phương pháp lập trình HDT (22CLC1) I.44 <u>Phương pháp lập trình HDT (22CLC5) I.62</u> <u>Toán học tổ hợp (22CLC78) C.22</u> Phương pháp lập trình HDT (22CLC9) I.35 Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC9) I.34 Pháp luật đại cương (21CLC56) C.33 Nhập môn học máy (21KHMT2) I.42 <u>Giao hệ cơ sở tri thức (20KHMT) I.92</u> Phân tích dữ liệu ứng dụng (20HTTT) C.31 Chuyên đề Đồ họa máy tính (20TGMT) I.92	<u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC4) I.52</u> Mạng máy tính (22CLC4) I.41 <u>Phương pháp lập trình HDT (22CLC7) I.61</u> Hệ thống máy tính (22CLC8) I.42 <u>Phương pháp lập trình HDT (22CLC9) I.62</u> Hệ thống thông tin doanh nghiệp (21HTTT1) I.12A Phát triển ứng dụng HTTT hiện đại (20HTTT) I.34 Nhập môn lập trình kết nối vạn vật (20KHDL) I.32 <u>Quản trị dịch vụ mạng (20MMT) I.35</u> An ninh mạng (20MMT) I.91
4	LT: 15:30-17:10 TH: 15:30-17:30	Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC2) I.41 Nhập môn lập trình (23CLC3) I.42 Kỹ năng mềm (23CLC5) I.32 <u>Nhập môn lập trình (23CLC7) I.52</u> <u>Toán rời rạc (23CLC10) I.44</u> <u>Toán học tổ hợp (22CLC56) C.22</u> Hệ thống máy tính (22CLC7) I.91 <u>Toán học tổ hợp (22CLC89) E.301</u> Pháp luật đại cương (21CLC12) C.33 Hệ thống thông tin doanh nghiệp (21HTTT2) C.32B Nhập môn khoa học dữ liệu (21KHDL1) I.92 <u>Lập trình cho khoa học dữ liệu (21KHDL2) I.12A</u> Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh (20HTTT1) I.12C <u>Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến (20HTTT) C.31</u>	Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC3) I.42 Toán rời rạc (23CLC78) C.33 Toán rời rạc (23CLC89) C.22 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC10) I.91 Phương pháp lập trình HDT (22CLC3) I.12A Phương pháp lập trình HDT (22CLC7) I.12C <u>Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (22CLC A) I.32</u> <u>Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC9) I.86</u> Lập trình ứng dụng Java (21KTPM1) ITEC32 Lập trình cho khoa học dữ liệu (21KHDL1) B.11A Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh (20HTTT2) I.23	Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC5) I.91 Nhập môn lập trình (23CLC6) I.41 Nhập môn lập trình (23CLC8) E.301 <u>Toán học tổ hợp (22CLC23) C.33</u> Phương pháp lập trình HDT (22CLC4) C.31 <u>Toán học tổ hợp (22CLC10) I.12A</u> Nhập môn công nghệ phần mềm (21CLC2) C.32B Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC6) I.34 Nhập môn khoa học dữ liệu (21KHDL2) I.92 Lập trình song song (20KHMT) C.22	Kỹ năng mềm (23CLC1) I.41 Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC6) I.42 <u>Toán rời rạc (23CLC89) C.22</u> Phương pháp lập trình HDT (22CLC5) I.12C Phương pháp lập trình HDT (22CLC6) I.32 Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC7) I.34 Pháp luật đại cương (21CLC78) C.33 Cơ sở dữ liệu nâng cao (21HTTT2) I.91 Lập trình ứng dụng Java (21KTPM2) I.92 <u>Khai thác dữ liệu và ứng dụng (21KHMT2) I.12A</u> Phát triển game (20KTPM) I.44	Toán rời rạc (23CLC23) E.301 <u>Toán rời rạc (23CLC45) I.23</u> Kỹ năng mềm (23CLC6) I.12A <u>Kỹ năng mềm (23CLC7) I.41</u> <u>Kỹ năng mềm (23CLC8) I.32</u> Kỹ năng mềm (23CLC9) F.109 Phương pháp lập trình HDT (22CLC1) I.44 <u>Phương pháp lập trình HDT (22CLC3) I.62</u> <u>Toán học tổ hợp (22CLC78) C.22</u> Phương pháp lập trình HDT (22CLC9) I.35 <u>Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (22CLCB) I.61</u> Vật lý cho Công nghệ thông tin (21CLC9) I.34 Pháp luật đại cương (21CLC56) C.33 Nhập môn học máy (21KHMT2) I.42 <u>Giao hệ cơ sở tri thức (20KHMT) I.92</u> Phân tích dữ liệu ứng dụng (20HTTT) C.31 Chuyên đề Đồ họa máy tính (20TGMT) I.92	<u>Nhập môn công nghệ thông tin (23CLC9) I.52</u> <u>Phương pháp lập trình HDT (22CLC2) I.61</u> Mạng máy tính (22CLC4) I.41 Hệ thống máy tính (22CLC8) I.42 <u>Phương pháp lập trình HDT (22CLC10) I.62</u> Hệ thống thông tin doanh nghiệp (21HTTT1) I.12A Phát triển ứng dụng HTTT hiện đại (20HTTT) I.34 Nhập môn lập trình kết nối vạn vật (20KHDL) I.32 <u>Quản trị dịch vụ mạng (20MMT) I.35</u> An ninh mạng (20MMT) I.91

STT	Mã môn	Lớp HP	Lớp sinh hoạt	Tên môn	GV lý thuyết	TA	HDTH
1	CSC10001	23CLC1		Nhập môn lập trình	PGS.TS. Lê Hoàng Thái	ThS. Thái Hùng Văn	ThS. Thái Hùng Văn, TS. Võ Hoài Việt
2	CSC10001	23CLC2		Nhập môn lập trình	TS. Lê Thanh Tùng	ThS. Nguyễn Trần Duy Minh	TS. Bùi Duy Đăng, ThS. Nguyễn Trần Duy Minh
3	CSC10001	23CLC3		Nhập môn lập trình	ThS. Văn Chí Nam	ThS. Phan Thị Phương Uyên	ThS. Bùi Huy Thông, ThS. Trần Thị Thảo Nhi
4	CSC10001	23CLC4		Nhập môn lập trình	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng	ThS. Mai Anh Tuấn	ThS. Mai Anh Tuấn, ThS. Đỗ Nguyên Kha
5	CSC10001	23CLC5		Nhập môn lập trình	ThS. Vũ Quốc Hoàng	ThS. Phan Thị Phương Uyên	ThS. Trần Thị Thảo Nhi, ThS. Phan Thị Phương Uyên
6	CSC10001	23CLC6		Nhập môn lập trình	ThS. Trần Thị Thảo Nhi	ThS. Phan Thị Phương Uyên	ThS. Phan Thị Phương Uyên, ThS. Nguyễn Văn Quang Huy
7	CSC10001	23CLC7		Nhập môn lập trình	ThS. Phạm Minh Tuấn	ThS. Hồ Tuấn Thanh	ThS. Mai Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng
8	CSC10001	23CLC8		Nhập môn lập trình	TS. Bùi Duy Đăng	ThS. Nguyễn Trần Duy Minh	TS. Lê Thanh Tùng, ThS. Nguyễn Trần Duy Minh
9	CSC10001	23CLC9		Nhập môn lập trình	ThS. Phạm Nguyễn Sơn Tùng	ThS. Hồ Tuấn Thanh	ThS. Võ Hoàng Quân, ThS. Nguyễn Duy Lộc
10	CSC10001	23CLC10		Nhập môn lập trình	ThS. Thái Hùng Văn	CN. Ngô Đình Hy	ThS. Thái Hùng Văn, CN. Ngô Đình Hy
11	CSC00004	23CLC1		Nhập môn công nghệ thông tin	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	ThS. Tiết Gia Hồng	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam, ThS. Đỗ Thị Thanh Hà
12	CSC00004	23CLC2		Nhập môn công nghệ thông tin	ThS. Đỗ Thị Thanh Hà	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam, ThS. Đỗ Thị Thanh Hà
13	CSC00004	23CLC3		Nhập môn công nghệ thông tin	GVC. ThS. Huỳnh Thụy Bảo Trân	ThS. Chung Thùy Linh	GVC. ThS. Huỳnh Thụy Bảo Trân, ThS. Nguyễn Thanh Quân
14	CSC00004	23CLC4		Nhập môn công nghệ thông tin	ThS. Phạm Trọng Nghĩa	CN. Trần Quốc Huy	ThS. Phạm Trọng Nghĩa, CN. Trần Quốc Huy
15	CSC00004	23CLC5		Nhập môn công nghệ thông tin	GVC. ThS. Huỳnh Thụy Bảo Trân	ThS. Chung Thùy Linh	GVC. ThS. Huỳnh Thụy Bảo Trân, ThS. Nguyễn Thanh Quân
16	CSC00004	23CLC6		Nhập môn công nghệ thông tin	ThS. Đậu Ngọc Hà Dương	ThS. Lê Nguyễn Tường Nhi	ThS. Lê Nguyễn Tường Nhi, CN. Đặng Hoài Thương

17	CSC00004	23CLC7		Nhập môn công nghệ thông tin	ThS. Tiết Gia Hồng	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	TS. Vũ Thị Mỹ Hằng, ThS. Tiết Gia Hồng
18	CSC00004	23CLC8		Nhập môn công nghệ thông tin	ThS. Lê Ngọc Thành	CN. Trần Quốc Huy	ThS. Nguyễn Trần Duy Minh, CN. Trần Quốc Huy
19	CSC00004	23CLC9		Nhập môn công nghệ thông tin	ThS. Phạm Trọng Nghĩa	ThS. Lê Ngọc Thành	ThS. Phạm Trọng Nghĩa, CN. Trần Quốc Huy
20	CSC00004	23CLC10		Nhập môn công nghệ thông tin	ThS. Tiết Gia Hồng	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam, ThS. Tiết Gia Hồng
21	CSC10121	23CLC1		Kỹ năng mềm	ThS. Đỗ Thị Thanh Hà, TS. Võ Hoài Việt	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam, ThS. Đỗ Thị Thanh Hà
22	CSC10121	23CLC2		Kỹ năng mềm	ThS. Đỗ Thị Thanh Hà, TS. Võ Hoài Việt	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam, ThS. Đỗ Thị Thanh Hà
23	CSC10121	23CLC3		Kỹ năng mềm	ThS. Lương Vĩ Minh, TS. Lê Thị Nhân	CN. Lê Thị Anh Thảo	ThS. Lê Thu Thảo, CN. Đặng Hoài Thương
24	CSC10121	23CLC4		Kỹ năng mềm	ThS. Lương Vĩ Minh, TS. Lê Thị Nhân	CN. Nguyễn Thị Minh Phúc	CN. Đỗ Thị Kim Hương, TS. Lê Thanh Tùng
25	CSC10121	23CLC5		Kỹ năng mềm	TS. Lê Thanh Tùng	CN. Nguyễn Thị Minh Phúc	TS. Lê Thanh Tùng, CN. Trần Nhật Tiến
26	CSC10121	23CLC6		Kỹ năng mềm	ThS. Lê Thu Thảo, TS. Lê Thanh Tùng	CN. Nguyễn Trần Thục Uyên	CN. Đỗ Thị Kim Hương, CN. Trần Nhật Tiến
27	CSC10121	23CLC7		Kỹ năng mềm	ThS. Lê Thu Thảo, TS. Lê Thanh Tùng	CN. Đặng Trần Nhã Vân	TS. Lê Thanh Tùng, CN. Đỗ Thị Kim Hương
28	CSC10121	23CLC8		Kỹ năng mềm	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	ThS. Đỗ Thị Thanh Hà	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam, ThS. Đỗ Thị Thanh Hà
29	CSC10121	23CLC9		Kỹ năng mềm	ThS. Trần Duy Quang, TS. Trương Toàn Thịnh	CN. Lê Thị Anh Thảo	ThS. Hoàng Thanh Tú, CN. Đặng Hoài Thương
30	CSC10121	23CLC10		Kỹ năng mềm	TS. Lê Thanh Tùng	CN. Đặng Trần Nhã Vân	ThS. Lê Thu Thảo, CN. Đặng Hoài Thương
31	MTH00009	23CLC1	23CLC12	Toán rời rạc	TS. Nguyễn Viết Đông		ThS. Phạm Thế Nhân
32	MTH00009	23CLC2	23CLC23	Toán rời rạc	GVC. TS. Lê Văn Hợp		ThS. Phạm Thế Nhân
33	MTH00009	23CLC3	23CLC45	Toán rời rạc	TS. Tạ Thị Nguyệt Nga		ThS. Nguyễn Đỗ Trường An nguyendotruongan2412@gmail.com
34	MTH00009	23CLC4	23CLC56	Toán rời rạc	TS. Nguyễn Hữu Trí Nhật		TS. Nguyễn Hữu Trí Nhật
35	MTH00009	23CLC5	23CLC78	Toán rời rạc	ThS. Phạm Thế Nhân		ThS. Phạm Thế Nhân
36	MTH00009	23CLC6	23CLC89	Toán rời rạc	TS. Nguyễn Kim Ngọc		ThS. Nguyễn Cao Đăng
37	MTH00009	23CLC7	23CLC10	Toán rời rạc	TS. Nguyễn Viết Đông		ThS. Phạm Thế Nhân
38	MTH00058	22CLC1	22CLC12	Toán học tổ hợp	TS. Nguyễn Kim Ngọc		ThS. Nguyễn Cao Đăng
39	MTH00058	22CLC2	22CLC23	Toán học tổ hợp	GVC. TS. Lê Văn Hợp		TS. Nguyễn Hữu Trí Nhật
40	MTH00058	22CLC3	22CLC45	Toán học tổ hợp	TS. Lê Văn Luyện		ThS. Phạm Thế Nhân
41	MTH00058	22CLC4	22CLC56	Toán học tổ hợp	GVC. TS. Lê Văn Hợp		ThS. Phạm Thế Nhân
42	MTH00058	22CLC5	22CLC78	Toán học tổ hợp	TS. Nguyễn Hữu Trí Nhật		TS. Nguyễn Hữu Trí Nhật
43	MTH00058	22CLC6	22CLC89	Toán học tổ hợp	TS. Nguyễn Anh Thi		TS. Nguyễn Anh Thi
44	MTH00058	22CLC7	22CLC10	Toán học tổ hợp	ThS. Phạm Thế Nhân		ThS. Phạm Thế Nhân
45	CSC10003	22CLC1		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	TS. Trương Toàn Thịnh	ThS. Nguyễn Hải Đăng	ThS. Nguyễn Hải Đăng, ThS. Đỗ Trọng Lễ
46	CSC10003	22CLC2		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	ThS. Nguyễn Minh Huy	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng	ThS. Mai Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng
47	CSC10003	22CLC3		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	TS. Lê Khánh Duy, TS. Lê Trung Nghĩa	CN. Huỳnh Viết Thám	CN. Lý Duy Nam, CN. Đỗ Hoài Nam
48	CSC10003	22CLC4		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	ThS. Trần Duy Quang	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng	ThS. Mai Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng
49	CSC10003	22CLC5		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	TS. Lê Khánh Duy, TS. Lê Trung Nghĩa	CN. Huỳnh Viết Thám	CN. Lý Duy Nam, CN. Đỗ Hoài Nam
50	CSC10003	22CLC6		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	TS. Trương Toàn Thịnh	ThS. Đỗ Trọng Lễ	ThS. Nguyễn Hải Đăng, ThS. Đỗ Trọng Lễ
51	CSC10003	22CLC7		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	ThS. Trần Duy Quang	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng	ThS. Trần Duy Quang, ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng
52	CSC10003	22CLC8		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	ThS. Đỗ Nguyên Kha, TS. Trương Toàn Thịnh	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng	ThS. Mai Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng
53	CSC10003	22CLC9		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	TS. Bùi Tiến Lên	ThS. Trương Tấn Khoa	ThS. Lê Thanh Phong, ThS. Trương Tấn Khoa
54	CSC10003	22CLC10		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	TS. Bùi Tiến Lên	ThS. Trương Tấn Khoa	ThS. Lê Thanh Phong, ThS. Trương Tấn Khoa
55	CSC10009	22CLC6	22CLC6	Hệ thống máy tính	ThS. Chung Thùy Linh	ThS. Lê Quốc Hòa	x
56	CSC10009	22CLC7	22CLC7	Hệ thống máy tính	ThS. Lê Viết Long	ThS. Chung Thùy Linh	x
57	CSC10009	22CLC8	22CLC8	Hệ thống máy tính	ThS. Lê Quốc Hòa	ThS. Chung Thùy Linh	x
58	CSC10009	22CLC9	22CLC9	Hệ thống máy tính	ThS. Chung Thùy Linh	ThS. Lê Quốc Hòa	x

59	CSC10009	22CLC10	22CLC10	Hệ thống máy tính	ThS. Thái Hùng Văn	ThS. Đặng Trần Minh Hậu	x
60	CSC10008	22CLC1		Mạng máy tính	ThS. Lê Hà Minh	ThS. Lê Ngọc Sơn	ThS. Lê Hà Minh
61	CSC10008	22CLC2		Mạng máy tính	GVC.ThS. Đỗ Hoàng Cường	GVC. ThS. Huỳnh Thụy Bảo Trân	GVC.ThS. Đỗ Hoàng Cường
62	CSC10008	22CLC3		Mạng máy tính	ThS. Lê Ngọc Sơn	ThS. Lê Hà Minh	ThS. Nguyễn Thanh Quân
63	CSC10008	22CLC4		Mạng máy tính	ThS. Nguyễn Thanh Quân	ThS. Lê Ngọc Sơn	ThS. Nguyễn Thanh Quân
64	CSC10008	22CLC5		Mạng máy tính	GVC. ThS. Huỳnh Thụy Bảo Trân	ThS. Chung Thùy Linh	GVC. ThS. Huỳnh Thụy Bảo Trân
65	CSC10004	22CLC A		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	TS. Nguyễn Hải Minh	ThS. Phan Thị Phương Uyên	ThS. Bùi Huy Thông, ThS. Trần Thị Thảo Nhi
66	CSC10004	22CLC B		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	TS. Nguyễn Ngọc Thảo	ThS. Bùi Huy Thông	ThS. Bùi Huy Thông, ThS. Trần Thị Thảo Nhi
67	BAA00021	22CLC1		Thẻ dục 1	ThS. Trần Anh Đức		
68	BAA00021	22CLC2		Thẻ dục 1	ThS. Lê Hải		
69	BAA00021	22CLC3		Thẻ dục 1	GVC. TS. Nguyễn Văn Hùng		
70	BAA00021	22CLC4		Thẻ dục 1	PGS. TS. Phạm Thị Lệ Hằng		
71	BAA00021	22CLC5		Thẻ dục 1	PGS. TS. Phạm Thị Lệ Hằng		
72	BAA00021	22CLC6		Thẻ dục 1	ThS. Đỗ Thành Quang		
73	BAA00021	22CLC7		Thẻ dục 1	ThS. Lê Hải		
74	BAA00021	22CLC8		Thẻ dục 1	GVC. TS. Nguyễn Văn Hùng		
75	BAA00021	22CLC9		Thẻ dục 1	ThS. Lê Hữu Toàn		
76	BAA00021	22CLC10		Thẻ dục 1	GVC. TS. Nguyễn Văn Hùng		
77	PHY00007	21CLC6	21CLC6	Vật lý cho Công nghệ thông tin	ThS. Cao Xuân Nam	CN. Đặng Hoài Thương	ThS. Cao Xuân Nam, CN. Đặng Hoài Thương
78	PHY00007	21CLC7	21CLC7	Vật lý cho Công nghệ thông tin	ThS. Cao Xuân Nam	CN. Đặng Hoài Thương	ThS. Cao Xuân Nam, CN. Đặng Hoài Thương
79	PHY00007	21CLC8	21CLC8	Vật lý cho Công nghệ thông tin	ThS. Cao Xuân Nam	CN. Đặng Hoài Thương	ThS. Cao Xuân Nam, CN. Đặng Hoài Thương
80	PHY00007	21CLC9	21CLC9	Vật lý cho Công nghệ thông tin	ThS. Cao Xuân Nam	CN. Đặng Hoài Thương	ThS. Cao Xuân Nam, CN. Đặng Hoài Thương
81	PHY00007	21CLC10	21CLC10	Vật lý cho Công nghệ thông tin	ThS. Lê Quốc Hòa	CN. Đặng Hoài Thương	ThS. Cao Xuân Nam, CN. Đặng Hoài Thương
82	CSC13002	21CLC1		Nhập môn công nghệ phần mềm	TS. Nguyễn Văn Vũ, TS. Trần Duy Hoàng	ThS. Ngô Ngọc Đăng Khoa	ThS. Trương Phước Lộc
83	CSC13002	21CLC2		Nhập môn công nghệ phần mềm	TS. Nguyễn Văn Vũ, TS. Trần Duy Hoàng	ThS. Trương Phước Lộc	ThS. Ngô Ngọc Đăng Khoa
84	CSC13002	21CLC3		Nhập môn công nghệ phần mềm	ThS. Nguyễn Minh Huy	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng	ThS. Trần Duy Thảo
85	CSC13002	21CLC4		Nhập môn công nghệ phần mềm	ThS. Nguyễn Minh Huy	ThS. Hồ Tuấn Thanh	ThS. Trần Duy Thảo
86	CSC13002	21CLC5		Nhập môn công nghệ phần mềm	TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền	ThS. Hồ Tuấn Thanh	ThS. Mai Anh Tuấn
87	BAA00004	21CLC1	21CLC12	Pháp luật đại cương	TS. Dương Kim Thế Nguyên		
88	BAA00004	21CLC2	21CLC34	Pháp luật đại cương	ThS. Hoàng Thanh Tú		
89	BAA00004	21CLC3	21CLC56	Pháp luật đại cương	TS. Đặng Công Tráng		
90	BAA00004	21CLC4	21CLC78	Pháp luật đại cương	ThS. Mai Lan Phương		
91	BAA00004	21CLC5	21CLC910	Pháp luật đại cương	ThS. Mai Lan Phương		
92	CSC12002	21HTTT1		Cơ sở dữ liệu nâng cao	TS. Nguyễn Trần Minh Thư	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy
93	CSC12002	21HTTT2		Cơ sở dữ liệu nâng cao	TS. Vũ Thị Mỹ Hằng	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy	ThS. Tiết Gia Hồng
94	CSC12003	21HTTT1		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	TS. Phạm Thị Bạch Huệ	ThS. Tiết Gia Hồng	ThS. Tiết Gia Hồng
95	CSC12003	21HTTT2		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	ThS. Tuấn Nguyễn Hoài Đức, TS. Phạm Thị Bạch Huệ	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy
96	CSC10108	21HTTT		Thực quan hóa dữ liệu	ThS. Tiết Gia Hồng, PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	ThS. Phạm Minh Tú	ThS. Tiết Gia Hồng
97	CSC12109	21HTTT1		Hệ thống thông tin doanh nghiệp	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	ThS. Tiết Gia Hồng	ThS. Tiết Gia Hồng
98	CSC12109	21HTTT2		Hệ thống thông tin doanh nghiệp	PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	ThS. Tiết Gia Hồng	TS. Vũ Thị Mỹ Hằng
99	CSC13008	21KTPM1		Phát triển ứng dụng web	ThS. Nguyễn Huy Khánh, TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền	ThS. Đỗ Nguyên Kha	ThS. Mai Anh Tuấn
100	CSC13008	21KTPM2		Phát triển ứng dụng web	ThS. Ngô Ngọc Đăng Khoa, TS. Nguyễn Thị Minh Tú	ThS. Trần Văn Quý	ThS. Trần Văn Quý

101	CSC13008	21KTPM3		Phát triển ứng dụng web	ThS. Mai Anh Tuấn, TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng
102	CSC13008	21KTPM4		Phát triển ứng dụng web	ThS. Trần Thị Bích Hạnh, TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền	ThS. Trần Duy Quang	ThS. Ngô Ngọc Đăng Khoa
103	CSC13102	21KTPM1		Lập trình ứng dụng Java	ThS. Nguyễn Văn Khiết, TS. Nguyễn Văn Vũ	CN. Nguyễn Đức Huy	CN. Nguyễn Đức Huy
104	CSC13102	21KTPM2		Lập trình ứng dụng Java	ThS. Nguyễn Văn Khiết, TS. Nguyễn Văn Vũ	CN. Nguyễn Đức Huy	CN. Nguyễn Đức Huy
105	CSC13102	21KTPM3		Lập trình ứng dụng Java	ThS. Hồ Tuấn Thanh, TS. Nguyễn Văn Vũ	ThS. Trần Duy Thảo	ThS. Trương Phước Lộc
106	CSC13102	21KTPM4		Lập trình ứng dụng Java	TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền, ThS. Trương Phước Lộc	ThS. Hồ Tuấn Thanh	ThS. Hồ Tuấn Thanh
107	CSC14004	21KHMT1		Khai thác dữ liệu và ứng dụng	GS. TS. Lê Hoài Bắc	ThS. Nguyễn Ngọc Đức	CN. Nguyễn Bảo Long
108	CSC14004	21KHMT2		Khai thác dữ liệu và ứng dụng	GS. TS. Lê Hoài Bắc	CN. Nguyễn Bảo Long	CN. Nguyễn Thị Thu Hằng
109	CSC14005	21KHMT1		Nhập môn học máy	TS. Bùi Tiến Lên	CN. Lê Nhựt Nam	ThS. Nguyễn Ngọc Đức
110	CSC14005	21KHMT2		Nhập môn học máy	TS. Bùi Duy Đăng	ThS. Phạm Trọng Nghĩa	ThS. Nguyễn Ngọc Đức
111	CSC14119	21KHDL1		Nhập môn khoa học dữ liệu	ThS. Lê Ngọc Thành, TS. Nguyễn Ngọc Thảo	CN. Nguyễn Bảo Long	CN. Nguyễn Thị Thu Hằng
112	CSC14119	21KHDL2		Nhập môn khoa học dữ liệu	ThS. Lê Ngọc Thành, TS. Nguyễn Ngọc Thảo	ThS. Phạm Trọng Nghĩa	CN. Nguyễn Bảo Long
113	CSC17104	21KHDL1		Lập trình cho khoa học dữ liệu	ThS. Phạm Trọng Nghĩa, TS. Nguyễn Tiến Huy	ThS. Nguyễn Trần Duy Minh	CN. Trần Quốc Huy
114	CSC17104	21KHDL2		Lập trình cho khoa học dữ liệu	TS. Bùi Duy Đăng	ThS. Nguyễn Trần Duy Minh	CN. Trần Quốc Huy
115	CSC16001	21TGMT		Đồ họa máy tính	PGS. TS. Lý Quốc Ngọc	ThS. Võ Thế Hào	ThS. Phạm Thanh Tùng
116	CSC16005	21TGMT		Xử lý ảnh số và video số	PGS. TS. Lý Quốc Ngọc	ThS. Phạm Minh Hoàng	ThS. Nguyễn Mạnh Hùng
117	CSC15005	21MMT		Nhập môn mã hóa mật mã	PGS. TS. Nguyễn Đình Thúc	ThS. Nguyễn Văn Quang Huy	ThS. Trần Hà Sơn
118	CSC11004	21MMT		Mạng máy tính nâng cao	ThS. Lê Ngọc Sơn	ThS. Lê Hà Minh	ThS. Nguyễn Thanh Quân
119	CSC15005	21CNTThức		Nhập môn mã hóa mật mã	PGS. TS. Nguyễn Đình Thúc	ThS. Lê Phúc Lữ	ThS. Trần Hà Sơn
120	CSC15006	21CNTThức		Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên	TS. Nguyễn Hồng Bửu Long	ThS. Lương An Vinh	TS. Lê Thanh Tùng
121	CSC12005	20HTTT		Phát triển ứng dụng HTTT hiện đại	ThS. Phạm Minh Tú, TS. Nguyễn Trần Minh Thư	ThS. Tiết Gia Hồng	ThS. Phạm Minh Tú
122	CSC12107	20HTTT1		Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy, PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài N	ThS. Tiết Gia Hồng	ThS. Tiết Gia Hồng
123	CSC12107	20HTTT2		Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy, PGS. TS. Lê Nguyễn Hoài N	ThS. Tiết Gia Hồng	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy
124	CSC12110	20HTTT		Phân tích dữ liệu ứng dụng	TS. Vũ Thị Mỹ Hằng	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy	ThS. Hồ Thị Hoàng Vy
125	CSC17106	20HTTT		Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến	TS. Nguyễn Trần Minh Thư	ThS. Phạm Minh Tú	ThS. Phạm Minh Tú
126	CSC13007	20KTPM		Phát triển game	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Dũng, TS. Lê Khánh Duy	ThS. Mai Anh Tuấn	ThS. Mai Anh Tuấn
127	CSC13107	20KTPM		Mẫu thiết kế hướng đối tượng và ứng dụng	ThS. Nguyễn Minh Huy, TS. Trương Toàn Thịnh	ThS. Ngô Ngọc Đăng Khoa	ThS. Ngô Ngọc Đăng Khoa
128	CSC13114	20KTPM1		Phát triển ứng dụng web nâng cao	ThS. Ngô Ngọc Đăng Khoa	ThS. Trần Văn Quý	ThS. Trần Văn Quý
129	CSC13114	20KTPM2		Phát triển ứng dụng web nâng cao	ThS. Nguyễn Huy Khánh	ThS. Đỗ Nguyễn Kha	ThS. Mai Anh Tuấn
130	CSC13108	20KTPM		Mô hình hóa phần mềm	ThS. Bùi Tấn Lộc, TS. Lâm Quang Vũ	ThS. Hồ Tuấn Thanh	ThS. Ngô Ngọc Đăng Khoa
131	CSC14002	20KHMT		Các hệ cơ sở tri thức	PGS.TS. Lê Hoàng Thái	ThS. Trương Tấn Khoa	ThS. Lê Thanh Phong
132	CSC14112	20KHMT		Sinh trắc học	PGS.TS. Lê Hoàng Thái	ThS. Trương Tấn Khoa	ThS. Lê Thanh Phong
133	CSC14120	20KHMT		Lập trình song song	ThS. Phạm Trọng Nghĩa, TS. Nguyễn Tiến Huy	CN. Lê Nhựt Nam	CN. Nguyễn Thị Thu Hằng
134	CSC17001	20KHDL		Phân tích dữ liệu thông minh	TS. Nguyễn Tiến Huy	CN. Nguyễn Trần Duy Minh	CN. Nguyễn Trần Duy Minh
135	CSC14117	20KHDL		Nhập môn lập trình kết nối vạn vật	TS. Nguyễn Đức Hoàng Hạ	ThS. Đỗ Thị Thanh Hà	ThS. Đỗ Thị Thanh Hà
136	CSC16002	20TGMT		Phương pháp toán trong phân tích dữ liệu thị giác	PGS. TS. Lý Quốc Ngọc	ThS. Phạm Thanh Tùng	ThS. Nguyễn Mạnh Hùng
137	CSC16110	20TGMT		Chuyên đề Đồ họa máy tính	ThS. Phạm Thanh Tùng	ThS. Phạm Minh Hoàng	ThS. Phạm Thanh Tùng
138	CSC16107	20TGMT		Ứng dụng thị giác máy tính	TS. Võ Hoài Việt	ThS. Phạm Thanh Tùng	ThS. Phạm Minh Hoàng
139	CSC11103	20MMT		Thiết kế mạng	ThS. Nguyễn Thanh Quân, ThS. Chung Thùy Linh	ThS. Lê Hà Minh	ThS. Nguyễn Thanh Quân
140	CSC11113	20MMT		Quản trị dịch vụ mạng	ThS. Lê Hà Minh, ThS. Lê Ngọc Sơn	ThS. Chung Thùy Linh	ThS. Lê Hà Minh
141	CSC11115	20MMT		An ninh mạng	ThS. Lê Giang Thanh, TS. Trần Trung Dũng	ThS. Lê Hà Minh	ThS. Lê Hà Minh
142	CSC15104	20CNTThức		An toàn và phục hồi dữ liệu	ThS. Thái Hùng Văn	ThS. Đặng Trần Minh Hậu	ThS. Thái Hùng Văn

143	CSC15106	20CNTThức		Seminar Công nghệ tri thức	TS. Ngô Minh Nhựt	CN. Lê Long Quốc	CN. Lê Long Quốc
144	CSC15102	20CNTThức		Phân tích mạng xã hội	ThS. Văn Chí Nam	ThS. Phan Thị Phương Uyên	ThS. Phan Thị Phương Uyên
145	CSC15010	20CNTThức		Blockchain và ứng dụng	PGS. TS. Nguyễn Đình Thúc	CN. Ngô Đình Hy	CN. Ngô Đình Hy

Ghi chú
T6 CA 12
T7 CA 12
T23 CA 34
T5 CA 34 T6 CA 12
T35
T246 CA 34
T34 CA 12
T2 CA 34 T467
T45 CA 12
T45 CA 12 TH T2 CA 2
T5 CA 12 TH T2 CA 12, T4 CA 3, T6 CA 34
T2 CA 34 TH T2 CA 12, T4 CA 3, T6 CA 34
T34 CA 34 TH T3 CA 12
T3 CA 34, T5 CA 12
T4 T34 CA 34
TH T3 CA 12 T357 CA 34
TH T5 CA 2

T2 CA 12
T2 CA 34, T6 CA 12
T4
T3 CA 34, T5 CA 12
T4
T3 CA 34
T5
TH T2 CA 12, T4 CA 3, T6 CA 34
T5
TH T2 CA 12, T4 CA 3, T6 CA 34
T35 CA 12
TH T4 CA 3
T35 CA 12
TH T6 CA 3
T2 CA 34
TH T3 CA 2
T3 CA 34, T5 CA 12
T3 CA 1
T3 CA 34, T5 CA 12
TH T6 CA 4
T4 CA 12
TH T2 CA 12, T4 CA 3, T6 CA 34
T346 CA 34
TH T6 CA 2
T2 CA 12
TH T2 CA 3
T3456 CA 12
BT T234
T246 CA 34
BT T234
T4
T5 CA 34
T6
BT: T2345 CA 2, T2 CA 34
T234
BT T234
T3 CA 34
BT T5 CA 34
T3456 CA 12
BT T23
T4 CA 12
BT T5 CA 34
T246 CA 34
BT T234
T346 CA 12
BT T234
T246 CA 34
BT T234
T6
BT: T2345 CA 2, T2 CA 34
T2 CA 34
T5
T234
BT T234
T5 CA 34
T6
T3456 CA 12
T35 CA 34
T346 CA 34
T6 CA 12
T35 CA 34
T5 CA 34
T6
T346 CA 34
T6 CA 12
T5
T6 CA 12
T56
T56
T36 CA 12
T5 CA 34
T2 CA 34
T7 CA 34
T36 CA 12
T5 CA 34

T3 CA 12
T2-6 CA 1
T5 CA 12
T4 CA 12
T56 CA 12 T7 CA 34
T5 CA 12
T3 CA 34
T7 CA 12
T7
T56 CA 12
T467 CA 12
T467 CA 12
T467 CA 12
T4 CA 12 T7
T56 CA 12
T467 CA 12
T34 CA 12
T467 CA 12
T45 CA 34, T6, T7 CA 12 TH T3, T4 CA 2
T45 CA 34, T6, T7 CA 12 TH T3, T4 CA 2
T45 CA 34, T6, T7 CA 12 TH T3, T4 CA 2
T45 CA 34, T6, T7 CA 12 TH T3, T4 CA 2
T7 CA 12
T4 T56 CA 34 T4 T56 CA 34
T3456 CA 12
T3456 CA 12
T34 CA 12
T2 CA 34
T3 CA 12 T5 CA 34
T26
T5 CA 34 T7 CA 12
T5 CA 34 T7 CA 12
T6 CA 12
T5
T3
T456 CA 2 T35 CA 1
T4 CA 12
T36 CA 12
T36 CA 12
T456 CA 12
T56 CA 12

T25 CA 12
T4 CA 34
T5 CA 12
T4
T35 CA 34
T35 CA 34
T7 CA 12
T6 CA 12
T5
T5
T56
T2 CA 34
T467
T2 CA 34, T6 CA 12
T4
T2 CA 34, T6 CA 12
T4
T3 CA 34, T5 CA 12
T4
T2 CA 34
T467
T2 CA 12
T6 CA 12
T2 CA 12
T3 CA 12
T6 CA 12
T24567 CA 12
T7 CA 34
T23 CA 34
T23 CA 34
T5
T2 CA 34
T5 CA 34
T6 CA 12
T3456 CA 12
T56 CA 12
T456 CA 12
T435 CA 12
T6 CA 34
T4 CA 34
T3 CA 34, T5 CA 12
T4
T7 CA 12
T47
T7 CA 12
T346 CA 234
T7 CA 12
T56 CA 12
T7 CA 34
T7 CA 34
T7 CA 34
T45 CA 12

T247 CA 12
T3 CA 12